

Số: 371/TB-MNTB

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai Bảng lương
Tháng 12/2025

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập

Trường Mầm non Thạch Bàn thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung:

Công khai Bảng lương tháng 12/2025. Có bảng tổng hợp kèm theo.

2. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, Kế toán, TB TTND, Chủ tịch công đoàn.

3. Địa điểm niêm yết: Trên nhóm zalo của nhà trường và trên bảng công khai của trường mầm non Thạch Bàn.

4. Thời gian niêm yết: Từ 8h00 ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến 17h00 ngày 03 tháng 12 năm 2025

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến hết ngày 03 tháng 12 năm 2025

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận công khai hoặc qua số ĐT: 024.36754038, Email của nhà trường :[mntlachban@longbien.edu.vn](mailto:mnthachban@longbien.edu.vn).

7. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Trong thời gian niêm yết công khai.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Nghĩa

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Bảng lương tháng 12/2025

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2025, vào hồi 8 giờ 00 phút

Tại phòng hội đồng trường Mầm non Thạch Bàn

Thành phần gồm có:

- | | |
|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. Bà Hoàng Thị Nghĩa | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2. Bà Vũ Bích Hạnh | Chức vụ: Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà Phạm Lệ Hà | Chức vụ: Phó Hiệu trưởng-CTCĐ |
| 4. Bà Lê Thị Thanh Huyền | Chức vụ: Trưởng ban TTND |
| 5. Bà Nguyễn Thị Hồng Chiêm | Chức vụ: Kế toán |

Đã tiến hành niêm yết công khai Bảng lương tháng 11/2025

Thời gian niêm yết: Từ 8h00 ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến 17h00 ngày 03 tháng 12 năm 2025

Địa điểm niêm yết: Trên nhóm zalo của nhà trường và trên bảng công khai của trường mầm non Thạch Bàn

Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến hết ngày 03 tháng 12 năm 2025

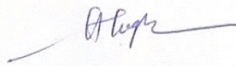
Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận công khai hoặc qua số ĐT: 024.36754038, Email của nhà trường :mnthachban@longbien.edu.vn.

Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Trong thời gian niêm yết công khai.

Mọi thắc mắc, ý kiến phản hồi về việc công khai, các nội dung công khai, liên hệ trực tiếp với Ban công khai, với Đ/c Hiệu trưởng để được trả lời, giải quyết.

Biên bản lập xong vào hồi 08 giờ 30 phút cùng ngày, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

TRƯỞNG BAN TTND



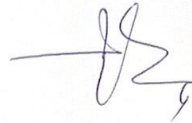
Lê Thị Thanh Huyền

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Nghĩa

NGƯỜI CHỨNG KIẾN



Nguyễn Thị Hương Lan

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Nguyễn Thị Hồng Chiêm

UBND PHƯỜNG LONG BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON THẠCH BÀN

BẢNG TỔNG HỢP THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN THÁNG 12 NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ nghề nghiệp	Số Tài khoản	Lương cơ bản T12/2025 (Biên chế)	Truy lĩnh năng lương	Tiền công Giáo viên, nhân viên hợp đồng trong chỉ tiêu, ND 111 T12/2025	Khoán công tác phí T12/2025	Tiền hỗ trợ công tác Quản lý phí, trợ giảng, phục vụ các môn Năng khieu T11/2025	Tiền hỗ trợ công tác Quản lý phí, trợ giảng, phục vụ môn Tiếng Anh T11/2025	Tiền chăm sóc bản trả T11/2025	Tiền thứ 7 T11/2025	Tiền chăm sóc ngoài giờ - Trả mượn T11/2025	Tổng cộng	Ký nhận
1	Hoàng Thị Nghĩa	Hiệu trưởng	1510355977	13.687.540	87.123			646.800	916.650	2.437.500	930.000		18.705.613	
2	Vũ Bích Hạnh	P Hiệu trưởng	1510103185	12.942.055				600.600	851.175	2.500.000	1.550.000		18.443.830	
3	Phạm Lê Hà	P Hiệu trưởng	1510045870	13.193.999				600.600	851.175	2.437.500	1.240.000		18.323.274	
4	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	Kế toán	1511111464	7.442.019			300.000	462.000	654.750	2.500.000	2.480.000		13.838.769	
5	Lê Thị Vân	GVBC	1510045074	14.943.736				57.750	81.844	2.375.000	1.240.000		18.698.330	
6	Dương Thị Đài	GVBC	1510045205	0				57.750	81.844	2.375.000	620.000		3.134.594	
7	Nguyễn Thị Minh Yên	GVBC	1510045135	13.195.353				57.750	81.844	2.437.500	1.860.000		17.632.447	
8	Nguyễn Thị Hải Yên	GVBC	1510045010	12.433.751				268.800	614.250	2.500.000	1.240.000		17.056.801	
9	Vũ Thị Hải Hà	GVBC	1510103176	10.779.666				201.600	488.250	2.500.000	620.000		14.589.516	
10	Lương Thị Hồng Sen	GVBC	1510103273	10.779.666				204.750	81.844	2.500.000	620.000		14.186.260	
11	Lê Thị Thanh Huyền	GVBC	1510488208	12.086.797				277.200	567.000	2.500.000	620.000		16.050.997	
12	Nguyễn Thị Thu Hương	GVBC	1510103158	11.812.449				281.400	630.000	2.500.000	620.000		15.843.849	
13	Phạm Ngọc Ánh	GVBC	1510166072	10.709.717				238.350	81.844	2.500.000	0		13.529.911	
14	Đỗ Thị Mai Hiền	GVBC	1510092210	9.652.244	126.915			310.800	551.250	2.500.000	1.240.000	2.440.000	16.821.209	
15	Trần Thị Thu Hiền	GVBC	1510169062	10.607.911				218.400	519.750	2.500.000	620.000		14.466.061	
16	Bùi Thị Hoàng Vân	GVBC	1510169044	9.652.244	126.915			57.750	81.844	2.437.500	1.240.000		13.596.253	
17	Nguyễn Thị Mai	GVBC	1510103149	9.652.244	126.915			57.750	81.844	2.500.000	1.240.000		13.658.753	
18	Phan Thanh Huyền	GVBC	1510049988	11.075.911	139.481			57.750	81.844	2.375.000	1.240.000		14.969.986	
19	Nguyễn Thị Hương	GVBC	1510092186	9.525.330				259.350	81.844	2.500.000	620.000		12.986.524	
20	Lê Thị Xuyên	GVBC	1510403733	9.525.330				281.400	630.000	2.500.000	1.240.000		14.176.730	
21	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GVBC	1510438735	9.461.872				225.750	81.844	2.500.000	620.000		12.889.466	
22	Lê Thu Hằng	GVBC	1510501868	8.436.861				208.950	81.844	2.500.000	620.000	2.440.000	14.287.655	
23	Thắm Mỹ Hạnh	GVBC	1510596758	8.436.861				310.800	551.250	2.500.000	620.000		12.418.911	

N.D. PHƯƠNG

STT	Họ và tên	Chức vụ nghề nghiệp	Số Tài khoản	Lương cơ bản T12/2025 (Biên chế)	Truy lĩnh năng lương	Tiền công Giáo viên, nhân viên hợp đồng trong chỉ tiêu, ND 111 T12/2025	Khoản công tác phí T12/2025	Tiền hỗ trợ công tác Quản lý phí, trợ giảng, phục vụ các môn Năng khiếu T11/2025	Tiền hỗ trợ công tác Quản lý phí, trợ giảng, phục vụ môn Tiếng Anh T11/2025	Tiền chăm sóc bản trú T11/2025	Tiền thứ 7 T11/2025	Tiền chăm sóc ngoài giờ - Trà mụn T11/2025	Tổng cộng	Ký nhận
24	Nguyễn Thị Ánh Hồng	GVBC	1510989686	9.588.786			268.800	614.250	2.375.000	0			12.846.836	
25	Nguyễn Thị Bùi Hạnh	GVBC	1510989677	15.981.469			204.750	81.844	2.500.000	0			18.768.063	
26	Đoàn Thị Hải Yến	GVBC	1511038943	13.378.881			386.400	661.500	2.500.000	1.240.000			18.166.781	
27	Hoàng Thủy Dung	GVBC	1510756570	7.374.362			204.750	81.844	2.500.000	1.240.000			11.400.956	
28	Nguyễn Thị Loan	GVBC	1510803290	7.323.889			238.350	81.844	2.500.000	0			10.144.083	
29	Nguyễn Thị Thúy	GVBC	1590176749	7.273.416			204.750	81.844	2.500.000	620.000			10.680.010	
30	Nguyễn Thu Hương	GVBC	1510905497	7.273.416			201.600	488.250	2.500.000	0			10.463.266	
31	Phạm Thị Thủy	GVBC	1510505374	8.379.896			57.750	81.844	2.375.000	1.860.000			12.754.490	
32	Nguyễn Thị Hà Lan	GVBC	1590040598	7.374.361			225.750	81.844	2.500.000	620.000			10.801.955	
33	Nguyễn Thị Kim Oanh	GVBC	1510769055	8.730.896			294.000	551.250	2.500.000	620.000			12.696.146	
34	Nguyễn Thị Thu Trang	GVBC	1590276755	7.021.053			218.400	519.750	2.062.500	1.240.000			11.061.703	
35	Trần Thu Giang	GVBC	1590159689	7.021.053			277.200	567.000	2.500.000	620.000			10.985.253	
36	Vũ Thị Thương	GVBC	8861344292	8.493.826			208.950	81.844	2.500.000	1.240.000			12.524.620	
37	Nguyễn Thị Thu Hương	NV y tế	1510993641			4.439.200	462.000	654.750	2.437.500	1.550.000			9.543.450	
38	Lê Thị Hương	NV nuôi dưỡng	1510103264			4.439.200	57.750	81.844	2.500.000	1.240.000			8.318.794	
39	Lê Thị Kim Huệ	NV nuôi dưỡng	1510117089			4.907.200	57.750	81.844	2.500.000	1.240.000			8.786.794	
40	Hoàng Thị Thủy Hoa	NV nuôi dưỡng	1510140517			4.790.200	57.750	81.844	2.500.000	1.240.000			8.669.794	
41	Đỗ Thị Bích Liên	NV nuôi dưỡng	1510122524			4.439.200	57.750	81.844	2.500.000	1.240.000			8.318.794	
42	Trần Thị Thanh Tâm	NV nuôi dưỡng	1510145628			4.439.200	57.750	81.844	2.312.500	1.240.000			8.131.294	
43	Nguyễn Hồng Tươi	NV nuôi dưỡng	1510278676			4.439.200	57.750	81.844	2.500.000	620.000			7.698.794	
44	Nguyễn Thị Thủy Hà	NV nuôi dưỡng	1511032963			4.439.200	57.750	81.844	2.437.500	1.240.000			8.256.294	
45	Dương Thị Hồng Nhung	NV nuôi dưỡng	1510713618			4.439.200	57.750	81.844	2.500.000	1.240.000			8.318.794	
46	Đỗ Thị Ngọc Bích	NV nuôi dưỡng	1500366529			4.439.200	57.750	81.844	2.500.000	0			7.078.794	
47	Dỗ Đình Đạo	NV bảo vệ	1510051309			4.790.200	57.750	81.842	875.000	930.000			6.734.792	
48	Dương Văn Quân	NV bảo vệ	1510051327			0	57.750	81.842	875.000	930.000			1.944.592	
49	Nguyễn Hồng Sinh	NV bảo vệ	1510062860			0	57.750	81.842	875.000	930.000			1.944.592	
50	Nguyễn Thị Hiền	Lao công	1510921819				0	0	0	0			0	

LONG
TRƯỜNG
MẦM NON
THẠCH LÊ

STT	Họ và tên	Chức vụ nghề nghiệp	Số Tài khoản	Lương cơ bản T12/2025 (Biên chế)	Truy lĩnh năng lương	Tiền công Giáo viên, nhân viên hợp đồng trong chỉ tiêu, ND 111 T12/2025	Khoản công tác phí T12/2025	Tiền hỗ trợ công tác Quản lý phí, trợ giảng, phục vụ các môn Năng khiếu T11/2025	Tiền hỗ trợ công tác Quản lý phí, trợ giảng, phục vụ môn Tiếng Anh T11/2025	Tiền chăm sóc bác trú T11/2025	Tiền thứ 7 T11/2025	Tiền chăm sóc ngoài giờ - Trả muộn T11/2025	Tổng cộng	Ký nhận
51	Nguyễn Thị Thu Hà	GVHD	1510771476					294.000	551.250	2.500.000	620.000		3.965.250	
52	Lương Bích Quyên	GVHD	1510687652					259.350	81.844	2.500.000	0		2.841.194	
53	Hoàng Thị Phương Hoa	GVHD	1510756561					386.400	661.500	2.500.000	1.240.000		4.787.900	
54	Nguyễn Thị Phương Lan	Văn thư	1511074859					57.750	81.842	2.500.000	2.480.000		5.119.592	
Tổng cộng				355.248.860	607.349	50.001.200	300.000	11.088.000	15.714.000	126.000.000	50.220.000	4.880.000	614.059.409	

Bảng chữ: Sáu trăm mười bốn triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm linh chín đồng /.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hồng Chiêm

